

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Dũng.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **K**, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **V**, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang (*vắng mặt lần 02 không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị K và anh V quen biết tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 15/12/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sự hòa hợp và thông cảm cho nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân hơn 02 năm. Anh chị không có con chung, không tài sản và nợ chung. Nay chị K xin ly hôn với anh V, không

yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

** Bị đơn là anh V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị K yêu cầu xin ly hôn với anh V nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị K có văn bản yêu cầu không hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh V nhưng anh V vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh V.

Chị K yêu cầu được ly hôn với anh V, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2015 chị K và anh V đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị K và anh V thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hợp nhau, bất hòa, mâu thuẫn ngày càng gây gắt nên anh chị sống ly thân. Anh chị sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên chị K xin được ly hôn với anh V. Anh V là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử, nhưng anh V đều vắng mặt không lý do.

Xét thấy, hiện nay anh chị không sống chung với nhau nữa, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị K và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng chưa có con chung. Mặt khác, anh V không có thiện chí hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K với anh V.

[3] Chị K trình bày giữa anh chị không có con chung, không tài sản và nợ chung; chị K và anh V không ai yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung, các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị K chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị K đối với anh V. Chị K được ly hôn với anh V.

2- Án phí sơ thẩm: Chị K chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006167 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận